

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN SONG HOÀN NGUYỄN

**ĐẶC TRƯNG KHAI THÁC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG
TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN
VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kiến trúc

Mã số: 62.58.01.02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KIẾN TRÚC

Thành phố Hồ Chí Minh - năm 2016

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH

Người hướng dẫn khoa học

1. PGS.TS. LÊ THANH SƠN

2. PGS.TS. TRỊNH DUY ANH

Phản biện 1: **PGS.TS. TÔN THẮT ĐẠI**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN QUỐC THÔNG**

Phản biện 3: **PGS.TS. PHẠM ANH DŨNG**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường học
tại: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH**

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH &
THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH.**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Vấn đề khai thác văn hóa truyền thống (VHTT) trong kiến trúc nhà ở (KTNO) tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay đang đứng trước nhiều sự lựa chọn, diễn ra trên cả phương diện lý thuyết và thực hành. Nguyên nhân là do sự xuất hiện của nhiều nhân tố mới chưa từng có tiền lệ trong nhà ở truyền thống.

Từ thực tế phát triển kiến trúc nhà ở nhận thấy cần có cơ sở lý thuyết mang tính ứng dụng để định hướng cho việc khai thác truyền thống đạt hiệu quả cao hơn; vừa phát huy vai trò công nghệ và sự sáng tạo, phù hợp với nhu cầu sử dụng, vừa duy trì khả năng nhận diện tính dân tộc. Các nghiên cứu và đề xuất hiện nay thường chọn lọc những đặc tính của văn hóa và kiến trúc để khai thác nhưng *chưa tiếp cận từ mối quan hệ có tính hệ thống giữa chúng*, dễ dẫn đến nhận định chủ quan và cảm tính. Vì vậy, với cách tiếp cận hệ thống, quá trình khai thác đi từ việc chọn lọc cho đến giới thiệu mô hình ứng dụng giá trị VHTT trong KTNO đô thị Việt Nam là nội dung chưa từng được nghiên cứu trước đây, và cũng là lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu của luận án.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là *mối quan hệ giữa giá trị VHTT với KTNO đô thị*, bao gồm cả 2 thành phần công năng và hình thức. Thông qua phân tích mối quan hệ này để đi đến chọn lọc các giá trị tiêu biểu và xây dựng mô hình ứng dụng trong KTNO đô thị hiện nay.

- **Phạm vi nghiên cứu:** giới hạn vào VHTT của người Việt (Kinh) trong những đô thị lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, TP HCM...

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Tập hợp hệ giá trị VH TT và nhận diện biểu hiện của nó trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay;
- Phân tích mối quan hệ giữa giá trị VH TT với công năng và hình thức, từ đó chọn lọc những giá trị có mức tác động cao để tiếp tục kế thừa;
- Xây dựng mô hình và phương thức khai thác giá trị VH TT được chọn trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam.

4. Các nghiên cứu liên quan và vấn đề còn tồn tại

Luận án giới thiệu tóm lược 10 đề tài nghiên cứu liên quan đến vấn đề khai thác VH TT trong kiến trúc và kiến trúc nhà ở đô thị Việt Nam hiện nay; thông qua đó cho thấy những tồn tại sau:

- ***Về tính hệ thống:*** mối quan hệ giữa VH TT và kiến trúc nhà ở đã được xác định khá đa dạng trên cả 2 phương diện vật thể và phi vật thể, ứng với các thành phần công năng và hình thức; tuy nhiên thường tách rời các giá trị để xem xét mà chưa tiếp cận từ ***hệ giá trị VH TT***.
- ***Về tính liên ngành:*** nghiên cứu vai trò tác động của VH TT trong kiến trúc nhà ở đô thị Việt Nam có thể xem là một nghiên cứu liên ngành, đòi hỏi phải có sự vận dụng các khái niệm, lý thuyết liên quan đến *văn hóa học, kiến trúc, tâm lý học, mỹ học, ký hiệu học*.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp lịch sử
- Phương pháp hệ thống cấu trúc
- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết
- Phương pháp mô hình hóa

CHƯƠNG I

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở VIỆT NAM

1.1 Giá trị văn hóa trong kiến trúc truyền thống Việt Nam

VHTT là *hệ thống các giá trị* được chọn lọc từ quá khứ, luôn *vận động và biến đổi*, tiềm ẩn sức mạnh chi phối nhiều lĩnh vực hoạt động của con người trong xã hội ngày nay, bao gồm kiến trúc và những loại hình nghệ thuật khác. Hệ giá trị VHTT có *tính đa dạng và tương đối*, được thống nhất trong một số giá trị tiêu biểu nhưng không trùng lặp trong nhiều giá trị khác tùy thuộc góc độ nghiên cứu của từng tác giả.

Việc xác định hệ giá trị văn hóa trong kiến trúc và KTNO truyền thống Việt Nam phân lập theo 2 xu hướng, thể hiện tính 2 mặt của văn hóa là *các giá trị hiển thị và phi hiển thị*. Trong khi tồn tại những quan điểm đề cao giá trị hiển thị là bản sắc thì cũng đồng thời xuất hiện quan điểm trái ngược cho rằng đó phải là các giá trị phi hiển thị. Từ tính không nhất quán này nên luận án xác lập cơ sở luận dựa vào sự dung hòa 2 quan điểm nêu trên, nghĩa là các giá trị hiển thị và phi hiển thị đều được chọn lọc cho nội dung nghiên cứu.

Tìm hiểu KTNO truyền thống của người Việt tại vùng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, nhiều tác giả đúc kết thành những giá trị đặc trưng, tuy nhiên cũng tồn tại quan điểm không giống nhau. Vì vậy, luận án sử dụng phương pháp tập hợp và suy luận để chọn ra **10 giá trị tiêu biểu là: tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng, tính cộng đồng, tính tư hữu, tính sinh lợi, tính hiếu khách, truyền thống gia đình Việt, văn hóa thờ cúng, thuật phong thủy, tính biểu hình.**

1.2 Biểu hiện giá trị văn hóa trong kiến trúc nhà ở truyền thống Việt Nam

Mỗi giá trị văn hóa tác động đến ***KTNO nông thôn truyền thống*** làm khởi sinh các biểu hiện cụ thể trong cả 2 yếu tố công năng và hình thức.

Trên phương diện công năng: tính dung hòa tự nhiên tạo ra không gian nhà ở gắn kết hữu cơ với môi trường thiên nhiên xung quanh, bố cục phân tán và sử dụng giải pháp hàng hiên che nắng; *tính linh hoạt/đa năng* thúc đẩy sự phát triển kiểu cấu trúc không gian mở, các chức năng sử dụng chung; *tính tư hữu* thể hiện bằng ranh giới tường rào và cổng ngõ, quy định phạm vi sử dụng riêng của từng gia đình; *truyền thống gia đình Việt* hình thành không gian thờ cúng tổ tiên và các không gian sum họp thành viên, phân bố đa dạng theo nhiều hình thức sinh hoạt; *tính cộng đồng, tính hiếu khách* được nhận biết trong không gian giao tiếp kang trang, tập trung tại gian giữa nhà chính và hướng ngoại; *văn hóa thờ cúng* làm xuất hiện nhiều vùng không gian thờ cúng bên trong nhà ở (thờ tổ tiên, thờ gia thần); *tính sinh lợi* đưa không gian sản xuất, làm nghề phụ xen cài vào không gian ở; *thuật phong thủy* định hướng nhà theo hướng gió, số gian nhà lẻ, cổng ngõ lệch hướng nhà chính hoặc có bình phong che chắn.

Trên phương diện hình thức: nhà ở chịu tác động của *tính biểu hình* gồm 3 yếu tố

- *Kỹ thuật truyền thống:* đại diện bởi giải pháp sử dụng vật liệu tự nhiên, sản xuất thủ công; cấu trúc cơ động, dịch chuyển (khung cột, cửa bức bàn, phen gai...);
- *Nghệ thuật tạo hình:* sử dụng trang trí chạm trổ, màu sắc tự nhiên, tính vần điệu, tính đối xứng/cân bằng, tỷ lệ hài hòa, tính hình

học, tổ hợp theo phương ngang;

- *Giải pháp dung hòa với tự nhiên*: thông gió tự nhiên; hàng hiên che nắng và mái nhà vươn xa khỏi mặt tường; nguồn sáng gián tiếp, chống mưa tạt; tạo vùng bóng râm trên mặt nhà; chống ẩm

Phân tích sự chuyển đổi giá trị văn hóa trong **KTNO đô thị truyền thống** (phân khúc thứ nhất – sự lệch pha về không gian) cho thấy có sự tăng cường hoặc suy giảm biểu hiện của các giá trị.

Trên phương diện công năng: tính dung hòa với tự nhiên chuyển từ chủ động sang thụ động thích ứng bằng hình thức sân trong và không gian đệm (hiên/loggia); tính linh hoạt/đa năng gia tăng mức độ phối hợp không gian sinh hoạt; tính sinh lợi chuyển đổi thành không gian mua bán, sản xuất bố trí phía trước nhà; truyền thống gia đình Việt tiếp tục duy trì không gian thờ cúng tổ tiên và sum họp; tính cộng đồng, tính hiếu khách thu hẹp phạm vi hoạt động; tính tư hữu thể hiện trong các ranh giới sở hữu riêng của nhà ở; văn hóa thờ cúng linh hoạt tổ chức không gian thờ theo các khu vực chức năng; thuật phong thủy suy giảm mức biểu hiện.

Trên phương diện hình thức: tiếp tục duy trì giải pháp sử dụng vật liệu tự nhiên và các cấu trúc di động (kỹ thuật truyền thống); tuy nhiên, do nhà ở có kết cấu nhiều tầng nên giảm bớt yếu tố thừa và trang trí. Vận dụng hầu hết các quy luật tạo hình của nhà ở nông thôn (nghệ thuật tạo hình) và giải pháp thích ứng khí hậu nhưng có sự chuyển đổi để phù hợp với hình thể mới.

1.3 Biểu hiện giá trị văn hóa truyền thống trong kiến trúc nhà ở tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay

Căn cứ đặc điểm không gian công năng và hình thức KTNO truyền thống để phân tích biểu hiện trong nhà ở đô thị hiện nay cho

thấy: *giá trị VH TT tiếp tục có sự chuyển đổi để vừa đáp ứng yêu cầu của thời đại mới, vừa duy trì tính truyền thống và bản địa*. Đây là *phân khúc thứ hai – sự lệch pha về thời gian* và cũng là giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ của VH TT. ***Trong yếu tố công năng***, nhà ở đô thị được phân chia rõ ràng theo cấp độ nhu cầu, từ mức cơ bản để duy trì hoạt động sống cho đến các mức phát triển cao hơn, hướng vào tính tiện nghi và yêu cầu cá nhân. Sự thay đổi cấu trúc nhu cầu diễn đạt cùng với tiến trình mở rộng không gian chức năng của các loại hình nhà ở tiêu biểu là *nhà phố, chung cư và biệt thự*. Tương ứng tiến trình này là sự tham dự và can thiệp của giá trị VH TT bằng *2 xu hướng tăng cường hoặc suy thoái tùy theo đặc điểm của từng giá trị*. ***Trong yếu tố hình thức***, do tác động mạnh mẽ của công nghệ và sự sáng tạo cá nhân nên giải pháp tạo hình nhà ở cũng có những thay đổi lớn, loại trừ yếu tố không phù hợp và hướng đến sự kế thừa các quy luật thẩm mỹ hay phương thức thích ứng với điều kiện khí hậu;

Tổng hợp biểu hiện giá trị VH TT trong nhà phố, chung cư và biệt thự cho thấy ***tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng, tính tư hữu, tính cộng đồng và truyền thống gia đình Việt có xu hướng gia tăng mức độ tác động lên yếu tố công năng***, đồng thời chuyển đổi để đáp ứng các nhu cầu cao hơn chưa từng có tiền lệ trong nhà ở truyền thống. Về phương diện hình thức, giải pháp tạo hình truyền thống được chuyển đổi trên tinh thần sáng tạo và ứng dụng công nghệ xây dựng tiên bộ. Vì vậy, nhà ở có xu hướng kế thừa các nguyên tắc và quy luật thẩm mỹ như: ***tính hình học, tính hài hòa, tính đối xứng, tính vắn diệu, tính cơ động, tính thích ứng khí hậu***. Sự kế thừa này được xem là bước chuyển đổi phù hợp với nhu cầu phát triển nhà ở trong các đô thị lớn Việt Nam, tiếp tục duy trì sự ảnh hưởng của VH TT nhưng không làm suy giảm vai trò của tính hiện đại.

CHƯƠNG II

MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VỚI KIẾN TRÚC NHÀ Ở TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN VIỆT NAM

2.1. Mối quan hệ giữa các giá trị văn hóa truyền thống trong kiến trúc nhà ở đô thị

Tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu giá trị VHHT được xem là *cách tiếp cận động và toàn diện*, xác lập mối quan hệ giữa các thành phần giá trị theo *cấu trúc thứ bậc*, có thể *định lượng bằng công thức toán học* để xây dựng nên các thang giá trị. Ngoài ra, hệ giá trị VHHT được xem là *hệ thống mở, đặc trưng bởi sự tương tác và biến đổi liên tục*. Trong nhiều cách tiếp cận hệ thống thì luận án chọn ***tiếp cận phân tích và xây dựng mô hình***. Tiếp cận phân tích giản hóa thành tổ cơ bản của hệ thống (gồm 10 giá trị văn hóa) nhằm nghiên cứu chi tiết và tìm hiểu các loại quan hệ của nó. Cách tiếp cận này giúp *phân tích cấu trúc và sự tương tác* của các giá trị. ***Xây dựng mô hình*** là sự *hợp nhất các giá trị để xem xét hành vi của hệ thống như một tổng thể*. Việc thiết lập mô hình tiến hành theo 2 nội dung *tương tác nội hệ và ngoại hệ* nhằm đạt đến mục tiêu diễn tả đầy đủ những khả năng kết nối có thể xảy ra giữa các giá trị VHHT với nhau và với thành phần của KTNO.

Cấu trúc hệ giá trị VHHT thể hiện thông qua ***trật tự*** (thang giá trị văn hóa) và ***sự tương tác*** giữa các giá trị. Có 2 cách tiếp cận thang giá trị của từng loại hình nhà ở bằng ***định tính (nội suy)*** và ***định lượng (ngoại suy)***. Sự tương tác cũng được chia theo 2 nội dung: ***tương tác nội hệ*** (giữa các giá trị văn hóa với nhau – nội sinh) và ***ngoại hệ*** (giữa giá trị văn hóa với công năng và hình thức KTNO –

ngoại sinh). Tổng hợp kết quả tương tác nội ngoại hệ là cơ sở quan trọng để phát hiện khả năng duy trì tính ổn định hay biến động giá trị VH TT trong quá trình chuyển đổi mô hình nhà ở. Những giá trị vẫn giữ mức ổn định cao sẽ là đối tượng chọn lọc chính cho việc xây dựng mô hình khai thác VH TT.

*Xét trong mối quan hệ nội sinh giữa các giá trị VH TT, bằng phương pháp **định tính** có thể thiết lập thang giá trị theo sự tăng giảm biểu hiện trong từng mô hình nhà ở; đối chiếu các thang giá trị này với nhau giúp nhận diện xu hướng biến thiên của từng giá trị, từ đó đề xuất thang giá trị VH TT chung cho các loại hình nhà ở đô thị. Phương pháp **định lượng** triển khai phân tích mối quan hệ giữa các giá trị theo mô hình, thể hiện khả năng liên kết thông qua tính chất tương sinh và tương khắc. Tổng hợp các khả năng đó cũng có thể xây dựng thang giá trị VH TT. Kết hợp 2 thang giá trị theo phương pháp định tính và định lượng dẫn đến đề xuất **thang giá trị VH TT chung trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay (lập luận 1) - [bảng 2.6]**.*

BẢNG 2.6 -[ĐỀ XUẤT 2]: THANG GIÁ TRỊ VH TT CHUNG TRONG KTNO TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN VIỆT NAM HIỆN NAY (KẾT HỢP GIỮA ĐỊNH TÍNH & ĐỊNH LƯỢNG)

THỨ BẬC TRÊN THANG GIÁ TRỊ	GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG		
Ưu tiên 1	Tính linh hoạt/đa năng	NHÓM I	ỔN ĐỊNH
Ưu tiên 2	Tính dung hòa với tự nhiên		
Ưu tiên 3	Tính tư hữu	NHÓM II	BIẾN ĐỘNG
Ưu tiên 4	Truyền thống gia đình Việt		
Ưu tiên 5	Tính cộng đồng		
Ưu tiên 6	Tính biểu hình		

Thông qua phương pháp đối chiếu quan điểm của những học thuyết kiến trúc thế giới cho thấy có sự tương đồng với các giá trị VH TT; trong đó *kiến trúc Bản địa mới* và học thuyết *Cộng sinh văn*

hóa, Hiện tượng học, Nơi chốn, Ký hiệu học có nhiều quan điểm gần nhất với việc khai thác VH TT trong KTNO đô thị Việt Nam hiện nay.

2.2. Môi quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống với không gian công năng trong kiến trúc nhà ở đô thị Việt Nam

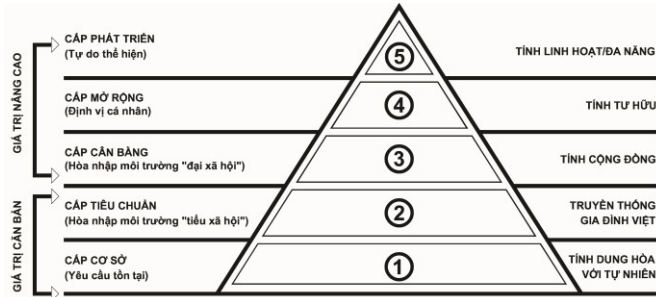
Xét trong mối *quan hệ ngoại sinh* giữa giá trị VH TT với công năng kiến trúc nhà ở đô thị cho thấy: việc xây dựng mô hình tương tác giúp chọn lọc các giá trị và chỉ định những thành phần kiến trúc cần tập trung khai thác. Tổng hợp chỉ số tương tác đưa đến **thang giá trị VH TT trong yếu tố công năng (lập luận 2)**, ngoài ra còn xác lập vùng không gian có nhiều khả năng chuyển tải giá trị VH TT.

BẢNG 2.10 -[ĐỀ XUẤT 3]: THANG GIÁ TRỊ VH TT TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÔNG NĂNG TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN VIỆT NAM HIỆN NAY

THỨ BẬC TRÊN THANG GIÁ TRỊ		THANG GIÁ TRỊ VH TT TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÔNG NĂNG
ÔN ĐỊNH	Ưu tiên 1	Tính dung hòa với tự nhiên
	Ưu tiên 2	Tính linh hoạt/đa năng
BIẾN ĐỘNG	Ưu tiên 3	Truyền thống gia đình Việt
	Ưu tiên 4	Tính cộng đồng
	Ưu tiên 5	Tính tư hữu

Bản chất nhu cầu của con người có *tính phân cấp*, thiết lập từ mức cơ bản và gia tăng theo các trạng thái phát triển. Đặc tính này được Maslow mô tả trong lý thuyết Tháp nhu cầu và được nhiều tác giả diễn đạt lại bằng các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. VH TT là đối tượng thuộc nhu cầu của con người và có tính phân cấp, được định chế trong các thang giá trị; vì vậy có thể sử dụng nguyên tắc phân chia của lý thuyết trên để xây dựng **thang giá trị VH TT theo nhu cầu con người (Tháp giá trị VH TT) [hình 2.8]**. Thang giá trị này hoàn

toàn độc lập với thang giá trị theo tương tác nội ngoại hệ, xác định dựa vào cơ sở lý thuyết chung đã được thừa nhận rộng rãi (*lập luận 3*).



Hình 2.8: “Tháp giá trị văn hóa truyền thống” trong KTNO đô thị

Không gian công năng trong kiến trúc nhà ở cũng là đối tượng có tính phân cấp, mở rộng và phát triển cùng với nhu cầu con người, thiết lập nên các loại hình nhà ở có chất lượng tiện nghi từ cơ bản cho đến cao cấp. Vì vậy, luận án tiếp tục sử dụng lý thuyết của Maslow để phân chia cấu trúc các nhóm không gian chức năng, diễn đạt mức độ quan trọng và cần thiết theo cấp độ phát triển, xây dựng nên *mô hình “Tháp công năng” trong KTNO đô thị (lập luận 4) – [Hình 2.7]*.

Kết hợp 4 lập luận trên cho thấy giữa giá trị VHTT, công năng nhà ở và nhu cầu con người có cùng chung *tính phân cấp* mà nguồn gốc phát sinh là từ con người; như vậy giữa chúng có mối liên hệ tương ứng với nhau, có thể thiết lập cùng một mô hình cấu trúc, diễn đạt trình tự từ thấp đến cao. Tại đây hội đủ cơ sở để suy luận trong kiến trúc nhà ở đô thị sẽ diễn ra chu trình phát triển có tính quy luật là: *nhu cầu nào thì công năng đó và văn hóa tương ứng*. Đây là lập luận quan trọng cho việc xây dựng mô hình khai thác giá trị VHTT trong Chương III.

2.3. Mối quan hệ giữa giá trị văn hóa truyền thống với hình thức kiến trúc nhà ở đô thị Việt Nam

Tiếp cận quan điểm **Mỹ học và Mỹ học kiến trúc** cho thấy hình thức kiến trúc nhà ở truyền thống là đối tượng thẩm mỹ thể hiện sự thống nhất giữa quy luật tạo hình khách quan và hàm nghĩa chủ quan của con người; vì vậy có khả năng đóng góp cho hình thức kiến trúc nhà ở đô thị Việt Nam hiện nay 3 vai trò: *xây dựng quy luật thẩm mỹ truyền thống, chuyển tải hình thái ý thức của người Việt, xây dựng nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống [hình 2.10]*. Những vai trò này giúp định hướng chuyển đổi giá trị thẩm mỹ truyền thống mà vẫn phát huy ưu thế của thời đại bằng công nghệ và sự sáng tạo.

Tiếp cận quan điểm **Ký hiệu học** nhận diện 3 cơ chế chuyển đổi giá trị thẩm mỹ truyền thống trong KTNO đô thị Việt Nam hiện nay là: *chuyển đổi nguyên gốc, chuyển đổi một phần, chuyển đổi tương ứng [hình 2.16]*. Trong đó **chuyển đổi tương ứng** có khả năng khai thác ưu thế của công nghệ và sự sáng tạo, đồng thời vẫn kế thừa giá trị VHTT bằng các nguyên tắc và quy luật thẩm mỹ. Đây là quá trình cải mã và giải mã có chọn lọc, cũng là mục tiêu nghiên cứu của luận án.

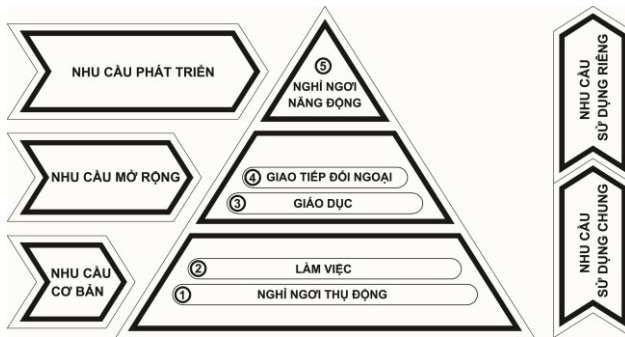
Bằng mô hình tương tác giữa giá trị VHTT với yếu tố hình thức kiến trúc nhà ở đô thị chọn lọc được các đối tượng cần thiết để xây dựng mô hình khai thác. Đó là những yếu tố thuộc **nhóm quan trọng** (*kết cấu bao che đặc thù, cửa, mái, hiên/logia*) và **9 đặc tính thẩm mỹ truyền thống** (*hình thức thông gió tự nhiên, che nắng, tạo bóng râm, vật liệu tự nhiên, tính đối xứng/cân bằng, tỷ lệ hài hòa, tính hình học, tính cơ động, tính văn điệu*).

CHƯƠNG III

MÔ HÌNH GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN VIỆT NAM

3.1 Khai thác giá trị văn hóa truyền thống trong yếu tố công năng

Vận dụng lý thuyết của Maslow để chia cấu trúc công năng theo 3 cấp độ (*cơ bản – mở rộng – phát triển*), diễn đạt tiến trình gia tăng khả năng đáp ứng nhu cầu con người trong không gian nhà ở [hình 3.2].



Hình 3.2 : Mô hình “Tháp Công Năng” theo 3 cấp độ nhu cầu

Cùng với tiến trình đó, giá trị VH TT cũng được phân chia thành 3 nhóm tương ứng để tham dự, thể hiện quy luật phát triển đồng dạng giữa văn hóa và công năng (*văn hóa tương ứng công năng*). Bằng phép cộng, quy chiếu và biện luận mối quan hệ giữa thang giá trị văn hóa theo tương tác nội ngoại hệ và theo nhu cầu có thể xây dựng mô hình tổng hợp giá trị VH TT trong yếu tố công năng (**mô hình lý thuyết**) – [hình 3.3]. Phối hợp mô hình này với mô hình Tháp công năng (đã cấu trúc lại theo 3 cấp độ nhu cầu) đưa đến **mô hình ứng**

dụng giá trị VHTT trong công năng nhà ở đô thị [hình 3.5]. Thông qua mô hình ứng dụng, cấu trúc không gian nhà ở sẽ chọn lọc các nhóm văn hóa để tham dự và phát huy (*công năng chuyển tải văn hóa*). Như vậy, **khai thác VHTT trong yếu tố công năng là quá trình chọn lọc giá trị tương ứng với các cấp độ nhu cầu không gian ở.**

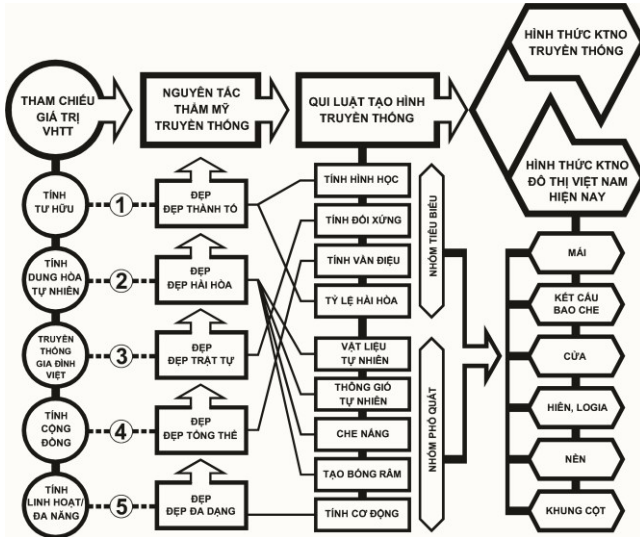
Tùng giá trị VHTT có sự chuyển đổi theo 3 cấp nhu cầu không gian khác nhau. Trong cấp **nhu cầu cơ bản**, không gian nhà ở có 2 nhóm chức năng chính là *ngủ ngơi thụ động và làm việc*, chỉ có 2 giá trị văn hóa tham dự là *tính dung hòa với tự nhiên và tính linh hoạt/đa năng (tiền cấp)*. Những giá trị này mang tính phổ quát, thể hiện phương thức tổ chức nhà ở để phù hợp với điều kiện diện tích nhỏ (tất cả chức năng sử dụng chung), hướng tới sự cân bằng với môi trường tự nhiên một cách thụ động. Tiến đến **cấp nhu cầu mở rộng**, công năng nhà ở được cấu trúc bởi 4 nhóm chức năng chính thức là *ngủ ngơi thụ động, làm việc, giáo dục, giao tiếp đối ngoại*; đi kèm với sự định hình không gian sinh hoạt cá nhân. Trong điều kiện này, cả 5 giá trị VHTT hội đủ khả năng tham dự và chi phối là *tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng (tiền cấp), tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt, tính tư hữu*. Đạt cấp **nhu cầu phát triển**, nhà ở xuất hiện đầy đủ 5 nhóm chức năng, xác lập sự tồn tại chính thức của không gian nghỉ ngơi năng động với các tiện nghi sinh hoạt cao cấp, kéo dài từ không gian sử dụng chung cho đến không gian sử dụng riêng. Trong cấp nhu cầu này có sự tác động của 5 giá trị VHTT là *tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng (nâng cao), tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt, tính tư hữu*. Thông qua phân tích sự can thiệp của văn hóa với không gian nhà ở cho thấy: mức độ phát triển công năng càng cao thì càng mở rộng phạm vi để giá trị VHTT được khai thác. Trong đó, *tính dung hòa với tự nhiên và tính linh hoạt/đa*

năng đạt mức tương tác lớn nhất theo quá trình chuyển đổi; *tính tư hữu* có xu hướng gia tăng cùng với sự hình thành các không gian cá nhân; tính *cộng đồng mở rộng* sự tham dự vào không gian sinh hoạt nội bộ và *truyền thống gia đình Việt* triển khai vùng hoạt động theo các nhóm chức năng, gắn kết với hoạt động phát triển thể chất và tinh thần.

3.2 Khai thác giá trị văn hóa truyền thống trong yếu tố hình thức

Mô hình khai thác giá trị thẩm mỹ truyền thống trong hình thức KTNO đô thị được xây dựng dựa trên sự tương tác giữa 9 giá trị thẩm mỹ (xác định trong Chương II) với các thành phần tạo hình của nhà ở. Thông qua đánh giá và so sánh chỉ số tương tác chọn ra được 2 nhóm đối tượng có khả năng đem lại hiệu quả khai thác cao. Đó là: ***đối tượng văn hóa – nhóm văn hóa tiêu biểu*** (*tính hình học, tính đối xứng, tính văn điệu và tỷ lệ hài hòa*) và ***đối tượng tạo hình – nhóm cấu tạo quan trọng*** (*mái, kết cấu bao che, cửa, hiên/logia*). Ngoài ra, đây còn được xem là ***mô hình khai thác lý tưởng*** [hình 3.14] vì đã xác định đầy đủ các khả năng can thiệp của giá trị thẩm mỹ truyền thống trong từng yếu tố cấu tạo; từ đó có thể làm cơ sở để thẩm định lại những công trình xây dựng thực tế về mức độ khai thác VHTT. Giá trị thẩm mỹ được chọn là những quy luật tạo hình có tính khách quan, liên hệ đến việc xác lập các nguyên tắc thẩm mỹ chủ quan và dẫn nghĩa đến giá trị VHTT, thể hiện nội dung tư tưởng và tinh thần của người Việt. Thông qua phép cộng chỉ số tương tác của các giá trị đó làm xuất hiện ***trật tự nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống trong KTNO đô thị*** [hình 3.18]. Như vậy, sự kết hợp giữa 3 yếu tố (giá trị thẩm mỹ, nguyên tắc thẩm mỹ, giá trị VHTT) tạo nên ***khung lý thuyết có***

tính phân cấp để định hướng cho việc khai thác; thể hiện sự tương đồng với tính phân cấp của thang giá trị VH TT và lý thuyết nhu cầu



Hình 3.18: Quy trình chuyển đổi và nhận diện giá trị thẩm mỹ truyền thống trong hình thức KTNO đô thị Việt Nam

Ngoài ra, căn cứ vào mô hình còn có thể phân chia nhiều cấp độ khai thác khác nhau, đại diện bởi các chỉ số phân cấp (có được thông qua đánh giá chỉ số tương tác). Luận án chọn cách phân chia 2 cấp độ để phân tích và xác lập 2 nhóm khai thác là ***nhóm giới hạn*** và ***nhóm đặc thù - đối tượng khai thác chính***. Phân tích sự kết hợp giữa các yếu tố tạo hình trong nhóm đặc thù đưa đến ***7 trạng thái khai thác [hình 3.19]*** và cũng là mục tiêu ứng dụng mô hình thác VH TT trong hình thức KTNO đô thị.

3.3 Xu hướng chuyển đổi giá trị văn hóa truyền thống trong kiến trúc nhà ở tại các đô thị lớn Việt Nam

Trong những giai đoạn tiếp theo, giá trị VH TT sẽ tiếp tục

chuyển đổi như một quy luật tất yếu của quá trình phát triển. Sự biến đổi năng động của các yếu tố có tính thời đại tác động liên tục đến hệ giá trị VH TT làm cho nó có xu hướng thay đổi để thiết lập nên những hệ giá trị VH TT mới. Trong nội dung phân tích của luận án cho thấy mối quan hệ giữa giá trị VH TT với KTNO đô thị Việt Nam đặc trưng bởi tính phân cấp, tác động lên cả công năng và hình thức. Trong mỗi phương diện đó, VH TT thể hiện mức độ can thiệp thông qua trật tự phân cấp của các thang giá trị. Như vậy, bằng sự tương tác với các yếu tố thời đại mới, xu hướng chuyển đổi giá trị VH TT cũng là xu hướng chuyển đổi các thang giá trị.

Với công năng, sự phát triển cấu trúc không gian nhà ở là điều kiện để văn hóa được tham dự, diễn biến theo tính chất của nhu cầu. Dựa trên quan điểm Maslow và quan điểm phát triển kiến trúc thế giới cho thấy: *tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng, tính tự hữu* sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ; *tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt* tùy biến theo lối sống của từng đối tượng [hình 3.20]. Nhìn chung, thang giá trị VH TT có xu hướng phân lập thành 2 thang giá trị: *nhu cầu cơ bản và mở rộng* vận dụng chung *thang giá trị VH TT cơ bản*; *nhu cầu phát triển* vận dụng *thang giá trị VH TT nâng cao*.

Trong yếu tố hình thức, do có sự can thiệp của công nghệ và sự sáng tạo nên trật tự nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống cũng mang xu hướng thay đổi. Đó là sự phát triển tăng lên của *nguyên tắc đẹp hài hòa với tự nhiên, đẹp đa dạng*, và sự suy giảm của *đẹp thành tố*. Tuy nhiên cả 3 nguyên tắc này đều dẫn đầu trong hệ thống nguyên tắc thẩm mỹ, tương đồng với quan điểm chung của thế giới. Sự đảo chiều của các nguyên tắc thẩm mỹ làm thay đổi trật tự giá trị VH TT và tạo ra thang giá trị VH TT mới trong hình thức KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam [hình 3.21]

3.4 Luận bàn về đặc trưng khai thác văn hóa truyền thống trong kiến trúc nhà ở tại các đô thị lớn Việt Nam

Tổng hợp nội dung nghiên cứu của luận án cho thấy có **5 đặc trưng** khai thác VHHT trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam sau đây:

- ***Khai thác văn hóa truyền thống theo quan điểm hệ giá trị:*** tiếp cận hệ giá trị cho phép đánh giá một cách tổng quát tiềm lực và xu thế tham dự của VHHT trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam.
- ***Khai thác văn hóa truyền thống có tính quy luật:*** trên phương diện công năng là *quy luật phát triển đồng dạng*; trên phương diện hình thức là *quy luật trật tự của nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống*.
- ***Khai thác văn hóa truyền thống có thể định lượng:*** triển khai theo chỉ số tương tác giữa các giá trị VHHT với nhau và với các thành phần (công năng và hình thức) của KTNO.
- ***Khai thác văn hóa truyền thống mang 2 thuộc tính chủ động và thụ động:*** *thụ động* chọn lựa các nhóm văn hóa để tương ứng với công năng; *thụ động* vận dụng các quy luật và nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống sau khi đã xác định vai trò của vật liệu và kỹ thuật hiện đại, tính sáng tạo cá nhân. *Chủ động* chọn lọc giá trị tiêu biểu và thang giá trị để ứng dụng nhằm tăng cường tính dân tộc trên cả 2 phương diện công năng và hình thức
- ***Khai thác văn hóa truyền thống trên cơ sở tham chiếu quan điểm phát triển kiến trúc nhà ở thế giới:*** làm cho quá trình khai thác tránh những sai lệch do định kiến chủ quan – nguyên nhân dẫn đến sự tụt hậu của KTNO Việt Nam so với thế giới.

PHẦN KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

1. Giá trị VH TT trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay được chuyển đổi theo 2 giai đoạn: từ nông thôn lên đô thị truyền thống và từ đô thị truyền thống đến đô thị hiện đại. Trong những giai đoạn chuyển đổi này, giá trị văn hóa đã thể hiện sự biến đổi mức độ can thiệp lên các thành phần của KTNO theo chiều hướng gia tăng hoặc suy thoái. Điều đó thể hiện *tính kế thừa phát triển hoặc đào thải văn hóa* theo sự chuyển đổi mô hình nhà ở qua các thời kỳ. Từ việc truy xuất các định nghĩa cho thấy VH TT là hệ thống có cấu trúc 2 bậc (hiển thị và phi hiển thị), liên tục tương tác với nhau và với các hệ thống bên ngoài trong suốt quá trình chuyển đổi để phù hợp với điều kiện tồn tại mới. Đây là cơ sở giải thích cơ chế đào thải nói trên và là cũng là nền tảng lý thuyết cho việc nhận diện ảnh hưởng VH TT trong KTNO đô thị Việt Nam – đối tượng nghiên cứu của luận án.

2. Đặc điểm quan trọng của hệ giá trị VH TT là tính phân cấp, hiển thị bằng các thang giá trị. Trật tự các thang giá trị này được thiết lập thông qua mối *quan hệ nội sinh* (giữa các giá trị VH TT với nhau) và *ngoại sinh* (giữa giá trị VH TT với các thành phần kiến trúc). Thang giá trị đầu tiên được hình thành từ nhà ở nông thôn; tuy nhiên khi chuyển đổi lên đô thị truyền thống, các điều kiện ban đầu của nhà ở thay đổi đã làm *biến động thang giá trị văn hóa lần thứ nhất*, từ đó nhận thấy sự suy yếu của một số giá trị và “sức bền” của một số giá trị khác. Trong giai đoạn chuyển đổi tiếp theo từ đô thị truyền thống đến đô thị hiện đại, những điều kiện tác động lên KTNO gia tăng mạnh mẽ làm *thay đổi trật tự thang giá trị VH TT lần thứ hai*. Các loại hình nhà ở phát triển nhanh chóng đã phá vỡ đặc điểm đơn giản thuần túy của

nhà ở truyền thống để hình thành nên những không gian sinh hoạt mới và hình thức thẩm mỹ mới. Giai đoạn này đánh dấu nhiều sự loại bỏ giá trị truyền thống cũ, đặc biệt trên phương diện tạo hình. Tuy nhiên, do VHTT còn có sức ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt tại các đô thị nên vẫn tiếp tục được duy trì. Thông qua phân tích sự biểu hiện của loại hình nhà phố, biệt thự và chung cư cho thấy có 6 giá trị tập hợp thành **thang/hệ giá trị VHTT** gồm: *tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng, tính tư hữu, tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt, tính biểu hình*. Đây là những giá trị đã được chọn lọc trong quá trình chuyển đổi và còn phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay.

Để hướng đến mục tiêu kế thừa và phát huy giá trị VHTT trong KTNO đô thị Việt Nam thì những giá trị trên cần tiếp tục được khai thác. Luận án triển khai mục tiêu này theo **4 cơ sở tiếp cận** (*lý thuyết hệ thống, lý thuyết nhu cầu, ký hiệu học, mỹ học và mỹ học kiến trúc*); **kết hợp tham chiếu quan điểm phát triển kiến trúc thế giới của 11 học thuyết và 12 tác giả đạt giải Pritzker trong những năm gần đây**.

3. Trên phương diện công năng, tiếp cận lý thuyết hệ thống cho phép xác lập quan hệ giữa các giá trị bằng 2 hình thức tương tác nội hệ và ngoại hệ. Trong đó, tương tác nội hệ (giữa các giá trị văn hóa với nhau) đem đến kết quả đề xuất **thang giá trị VHTT theo phân tích định tính và định lượng**. Tương tác ngoại hệ triển khai giữa các thành phần không gian nhà ở với giá trị văn hóa đem đến **thang giá trị VHTT trên phương diện công năng**. Hai thang giá trị này là kết quả biện chứng các mối quan hệ nên còn mang tính chủ quan của nghiên cứu. Vì vậy, luận án vận dụng lý thuyết phân cấp nhu cầu của Maslow để quy chiếu trật tự các giá trị theo mức độ quan trọng và cần thiết, chuyển dần từ mức cơ bản cho đến phát triển, từ đó xây dựng **thang**

giá trị VHTT theo nhu cầu con người – “Tháp giá trị VHTT”. Sử dụng phép cộng 3 thang giá trị trên đây đưa đến *mô hình tổng hợp giá trị VHTT trong yếu tố công năng (mô hình lý thuyết)*. Ngoài ra, do văn hóa và công năng đều xuất phát từ nhu cầu con người nên cấu trúc không gian cũng được chia theo 3 cấp, hình thành *mô hình “Tháp công năng”*. Phối hợp 2 mô hình nói trên tạo ra *mô hình ứng dụng, diễn đạt quá trình khai thác VHTT tùy thuộc vào tính chất phát triển không gian nhà ở (văn hóa tương ứng công năng)*.

4. Quy chiếu sự tương quan giữa công năng và văn hóa cho thấy tính chất tác động của giá trị văn hóa gia tăng và mở rộng theo các cấp độ nhu cầu không gian. Trong cấp *nhu cầu cơ bản*, không gian nhà ở có 2 nhóm chức năng chính là *ngủ ngơi thụ động* và *làm việc* nên chỉ có 2 giá trị văn hóa tham dự là *tính dung hòa với tự nhiên* và *tính linh hoạt/đa năng (tiền cấp)*. Tiến đến *cấp nhu cầu mở rộng*, công năng nhà ở được cấu trúc bởi 4 nhóm chức năng chính thức là *ngủ ngơi thụ động, làm việc, giáo dục, giao tiếp đối ngoại*; đi kèm với sự định hình không gian sinh hoạt cá nhân. Trong điều kiện này, cả 5 giá trị VHTT hội đủ khả năng tham dự và chi phối là *tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng (tiền cấp), tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt, tính tư hữu*. Đạt cấp *nhu cầu phát triển*, nhà ở xuất hiện đầy đủ 5 nhóm chức năng, xác lập sự tồn tại chính thức của không gian nghỉ ngơi năng động với các tiện nghi sinh hoạt cao cấp, kéo dài từ không gian sử dụng chung cho đến không gian sử dụng riêng. Trong cấp nhu cầu này có sự tác động của 5 giá trị VHTT là *tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đa năng (nâng cao), tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt, tính tư hữu*. Thông qua phân tích sự can thiệp của văn hóa với không gian nhà ở cho thấy: mức độ

phát triển công năng càng cao thì càng mở rộng phạm vi để giá trị VHTT được khai thác.

5. Tham chiếu quan điểm phát triển kiến trúc và KTNO trên thế giới cho thấy giá trị VHTT được chia thành 2 nhóm gồm: ***nhóm theo xu hướng chung*** (*tính dung hòa với tự nhiên, tính linh hoạt/đàn năng, tính tư hữu*) và ***nhóm theo xu hướng riêng*** – *đặc thù của văn hóa Việt Nam (tính cộng đồng, truyền thống gia đình Việt)*. Bằng cách phân lập này suy ra nhóm xu hướng chung sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai; nhóm xu hướng riêng là điều kiện để khai thác và nhận diện tính truyền thống, gia tăng sự can thiệp của các đặc tính này đồng nghĩa với việc kế thừa và phát triển VHTT trong không gian nhà ở tại các đô thị lớn Việt Nam.

Với hai xu hướng phát triển trên, ***cấp nhu cầu cơ bản*** và ***mở rộng*** có khả năng ứng dụng ***thang giá trị VHTT cơ bản; cấp nhu cầu phát triển*** ứng dụng ***thang giá trị VHTT nâng cao***. Như vậy những giai đoạn phát triển tiếp theo, thang giá trị VHTT trong công năng nhà ở có ***xu hướng phân chia thành 2 thang giá trị khác nhau***, thể hiện sự biến đổi của VHTT để phù hợp với điều kiện tồn tại mới.

6. ***Trên phương diện hình thức, tiếp cận lý thuyết hệ thống*** để xây dựng mô hình tương tác giữa giá trị thẩm mỹ truyền thống với các thành phần cấu tạo (*mái, kết cấu bao che, cửa, khung cột, nền nhà*) đưa đến việc chọn lọc ***9 giá trị thẩm mỹ đặc trưng*** là *tính hình học, tính đối xứng, tính vận điệu, tỷ lệ hài hòa, tính cơ động, vật liệu tự nhiên, giải pháp che nắng, thông gió, tạo bóng râm*. Ngoài ra, từ phương pháp tiếp cận Mỹ học và Mỹ học kiến trúc nhận thấy VHTT có thể đóng góp cho hình thức KTNO đô thị 3 vai trò: ***xây dựng quy***

luật thẩm mỹ truyền thống, chuyển tải hình thái ý thức của người Việt, xây dựng nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống. Giữa quy luật thẩm mỹ - nguyên tắc thẩm mỹ - hình thái ý thức có mối quan hệ tương sinh; hình thành nên trật tự phân cấp của nguyên tắc thẩm mỹ, tương ứng với trật tự phân cấp giá trị VH TT. Như vậy, sự kế thừa VH TT trong hình thức KTNO đô thị là sự chuyển đổi các quy luật thẩm mỹ, nguyên tắc thẩm mỹ (dẫn nghĩa đến VH TT) và cả hệ thống trật tự phân cấp của những yếu tố này. Đây là phương thức chuyển đổi phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay; vừa phát huy vai trò của công nghệ - sáng tạo, vừa tránh được tình trạng sao chép các hình thức nhà ở đã cũ.

Bằng phương pháp *tiếp cận Ký hiệu học* cho thấy giá trị thẩm mỹ truyền thống có thể chuyển đổi trong hình thức KTNO đô thị theo 3 cơ chế: *chuyển đổi nguyên gốc, chuyển đổi một phần, chuyển đổi tương ứng* (chuyển đổi các quy luật, nguyên tắc thẩm mỹ). Trong đó, cơ chế *chuyển đổi tương ứng* chứng minh nhiều khả năng để khai thác, vừa duy trì đặc trưng truyền thống có tính chi phối “ẩn danh”, vừa phát huy những tiến bộ công nghệ và sáng tạo trên phương diện biểu thị.

7. Mô hình khai thác giá trị VH TT trong hình thức KTNO đô thị được xây dựng dựa trên sự tương tác giữa giá trị thẩm mỹ được chọn với các yếu tố tạo hình; thông qua đó xác lập **7 trạng thái khai thác**, thể hiện khả năng phối hợp cần thiết giữa các yếu tố cấu tạo để hướng đến chỉ số khai thác cao nhất. Ứng với mỗi trạng thái này, vận dụng nguyên tắc và quy luật thẩm mỹ truyền thống sẽ đem đến các kết quả khai thác khác nhau, chuyển dần từ mức khai thác trung bình (đủ để nhận diện tính truyền thống, 55%) cho tới mức cao nhất (cấp lý

tường, 100%).

8. Tham chiếu quan điểm phát triển kiến trúc và KTNO trên thế giới cho thấy, kiến trúc nhà ở có xu hướng tạo ra các hình thức để thích ứng với điều kiện khí hậu, kết hợp sử dụng vật liệu tự nhiên (***đẹp hài hòa với tự nhiên***); tăng cường tính linh hoạt của yếu tố cấu tạo (***đẹp đa dạng***); đề cao quy luật tỷ lệ và hình học (***đẹp thành tổ***). Đây là những nguyên tắc chung có điểm tương đồng với nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống và sẽ còn tiếp tục phát triển. Ngoài ra, bằng cách phân tích mối quan hệ giữa giá trị thẩm mỹ truyền thống với các yếu tố can thiệp đến tạo hình nhà ở hiện nay (công nghệ, sáng tạo, tự nhiên, văn hóa – xã hội, kinh tế) còn cho thấy khả năng xuất hiện trật tự nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống mới, thể hiện quy luật chuyển đổi của VHTT để thích ứng với yêu cầu của thời đại. Như vậy, việc khai thác VHTT trong hình thức KTNO đô thị sẽ bao gồm ***duy trì trật tự nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống cũ và phát triển truyền thống mới***. Cả 2 phương thức này đều có tác dụng nhận diện tính dân tộc và bản sắc; thể hiện sự linh hoạt của quá trình khai thác để phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

9. Tổng hợp nội dung nghiên cứu, luận án kiến nghị việc kế thừa và khai thác giá trị VHTT trong KTNO tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay như sau:

- ***Đối với yếu tố công năng***: quá trình khai thác cần xác định nhu cầu của đối tượng để xây dựng cấu trúc không gian ở phù hợp, tạo ra sự cân đối giữa “*tiện nghi ở*” và “*tiện nghi văn hóa*”. Nghĩa là, tương ứng với mỗi cấp độ nhu cầu được xác định sẽ có những nhóm giá trị VHTT cần chuyển tải. Với cấp ***nhu cầu cơ bản***,

cấu trúc không gian không đủ điều kiện khai thác giá trị VHTT nhằm tạo ra tính đặc thù. Trong ***cấp nhu cầu mở rộng***, nhà ở cần xây dựng đầy đủ 4 nhóm không gian chức năng (nghỉ ngơi thụ động, làm việc, giáo dục, giao tiếp); khai thác ***thang giá trị VHTT cơ bản hoặc thang giá trị trong mô hình ứng dụng***. Đối với ***cấp nhu cầu phát triển***, nhà ở cần tạo lập đầy đủ 5 nhóm không gian chức năng (nghỉ ngơi thụ động, làm việc, giáo dục, giao tiếp, nghỉ ngơi năng động), khai thác ***thang giá trị VHTT nâng cao hoặc thang giá trị trong mô hình ứng dụng***.

- ***Đối với yếu tố hình thức***: tiếp tục phát huy vai trò tích cực của công nghệ và sự sáng tạo trong tạo dựng hình thức kiến trúc nhà ở. Tùy theo sự cân đối giữa 2 yếu tố trên với nhu cầu chuyển tải giá trị thẩm mỹ truyền thống mà có thể chọn lọc một trong 7 trạng thái khai thác. Ngoài ra, quá trình đó cần kết hợp với sự lựa chọn trật tự nguyên tắc thẩm mỹ truyền thống cũ hoặc mới. Thẩm mỹ truyền thống mới có nhiều tương đồng với xu hướng chung thế giới nên có khả năng tạo ra công trình hiện đại nhưng vẫn thể hiện những đặc tính dân tộc và bản địa. Để thẩm định những công trình nhà ở đã xây dựng về mức độ khai thác truyền thống có thể sử dụng mô hình đã giới thiệu trong nội dung luận án. Việc ứng dụng mô hình này giúp xác định việc khai thác một cách định lượng thay vì chỉ nhận định cảm tính. Bên cạnh đó, phương pháp xây dựng mô hình khai thác giá trị VHTT cũng có thể được áp dụng tương tự để mở rộng ra cho các loại hình công trình khác ngoài nhà ở.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Song Hoàn Nguyên (2009), *Văn hóa truyền thống trong kiến trúc nhà phố ở Việt Nam*. Tạp chí Xây dựng số 40/2009;
2. Trần Văn Khải, Nguyễn Song Hoàn Nguyên (2009), *Đề xuất một số giải pháp kiến trúc nhà ở nội thành và ngoại thành trong điều kiện kinh tế phát triển*, Hội thảo “Quy hoạch phát triển thành phố Quy Nhơn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”;
3. Nguyễn Song Hoàn Nguyên (2015), *Mô hình “Tháp công năng” trong kiến trúc nhà ở*, Tạp chí Kiến trúc số 11/2015;
4. Nguyễn Song Hoàn Nguyên (2016), *Giá trị thẩm mỹ truyền thống trong kiến trúc nhà ở đô thị Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Kiến trúc số 04/2016;
5. Nguyễn Song Hoàn Nguyên (2016), *Kiến trúc nông thôn vùng ngập nước ĐBSCL (giáp biên giới Campuchia)*, Chuyên đề thuộc đề tài nghiên cứu cấp Bộ: “Nghiên cứu định hướng phát triển kiến trúc vùng ĐBSCL”, Khoa Kiến trúc, Đại học Kiến trúc TP HCM;

"THÁP CÔNG NĂNG" TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở ĐÔ THỊ

CHÚ THÍCH:



Không gian cơ sở để phát triển
liên hệ đa năng "đồng cấp"

NHU CẦU TỰ THỰC HIỆN
(SELF-ACTUALIZING NEEDS)

CHỨC NĂNG NGHỈ NGƠI NÁNG ĐỘNG
(PHÁT TRIỂN THE CHẤT, TINH THẦN & THẨM MỸ)

NHU CẦU TÔN TRỌNG
(ESTEEM NEEDS)

CHỨC NĂNG GIAO TIẾP ĐỐI NGOẠI

NHU CẦU XÃ HỘI
(SOCIAL NEEDS)

CHỨC NĂNG GIÁO DỤC

NHU CẦU AN TOÀN
(SAFETY NEEDS)

CHỨC NĂNG LÀM VIỆC

NHU CẦU SINH LÝ
(PHYSIOLOGICAL NEEDS)

CHỨC NĂNG
NGHỈ NGƠI
THỤ ĐỘNG

KHÔNG GIAN ĐƠN NĂNG

- KG tập Thiền, Yoga
- KG giải trí chuyên dụng (bida, bóng bàn...)
- KG chơi của trẻ em
- Tắm hơi + mát xa
- KG sáng tác nghệ thuật
- Hồ bơi
- KG thể dục thẩm mỹ
- Sân trong/ giếng trời (diện tích lớn)
- Sân vườn, tiểu cảnh, non bộ
- KG giải trí nghe nhìn

- KG tiếp khách
- Sân vườn
- Hiên nhà, tiền sảnh
- Cổng ngõ
- KG ăn chính
- Hành lang công cộng

- Thư viện gia đình
- KG thờ cúng tổ tiên & gia thần
- KG sinh hoạt chung
- KG học tập & nghiên cứu
- KG lưu niệm gia đình

- KG thương mại
- KG dịch vụ
- KG làm nghề thủ công
- Văn phòng

- KG ngủ
- Bếp
- An (nội bộ)
- KG sinh hoạt cá nhân (thư giãn)
- Sân trong/KG xanh (đỏ nhỏ)
- Vệ sinh
- Ban công, lô gia

NHU CẦU NÂNG CAO

NHU CẦU CĂN BẢN

LIÊN HỆ ĐA NĂNG
"ĐA CẤP"

KÝ HIỆU



Nhà phố (thương mại)



Nhà phố (cư trú)



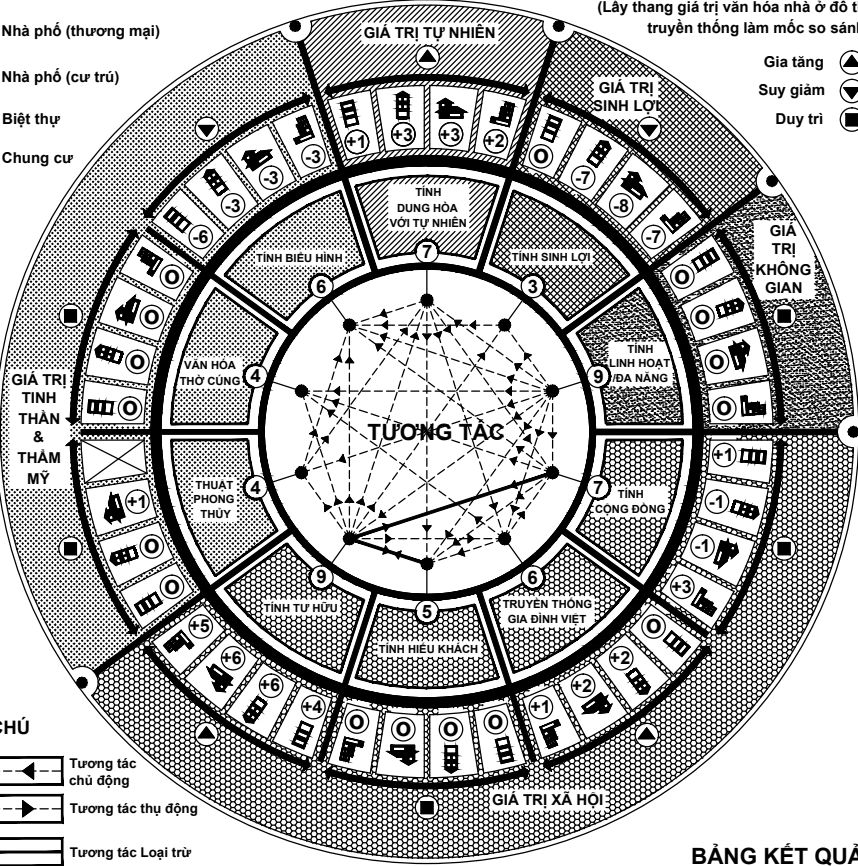
Biệt thự



Chung cư

BIẾN THIÊN MỨC ĐỘ BIỂU HIỆN GIÁ TRỊ VH TT
(Lấy thang giá trị văn hóa nhà ở đô thị truyền thống làm mốc so sánh)

Gia tăng ▲
Suy giảm ▼
Duy trì ■



GHI CHÚ



Tương tác chủ động



Tương tác thụ động



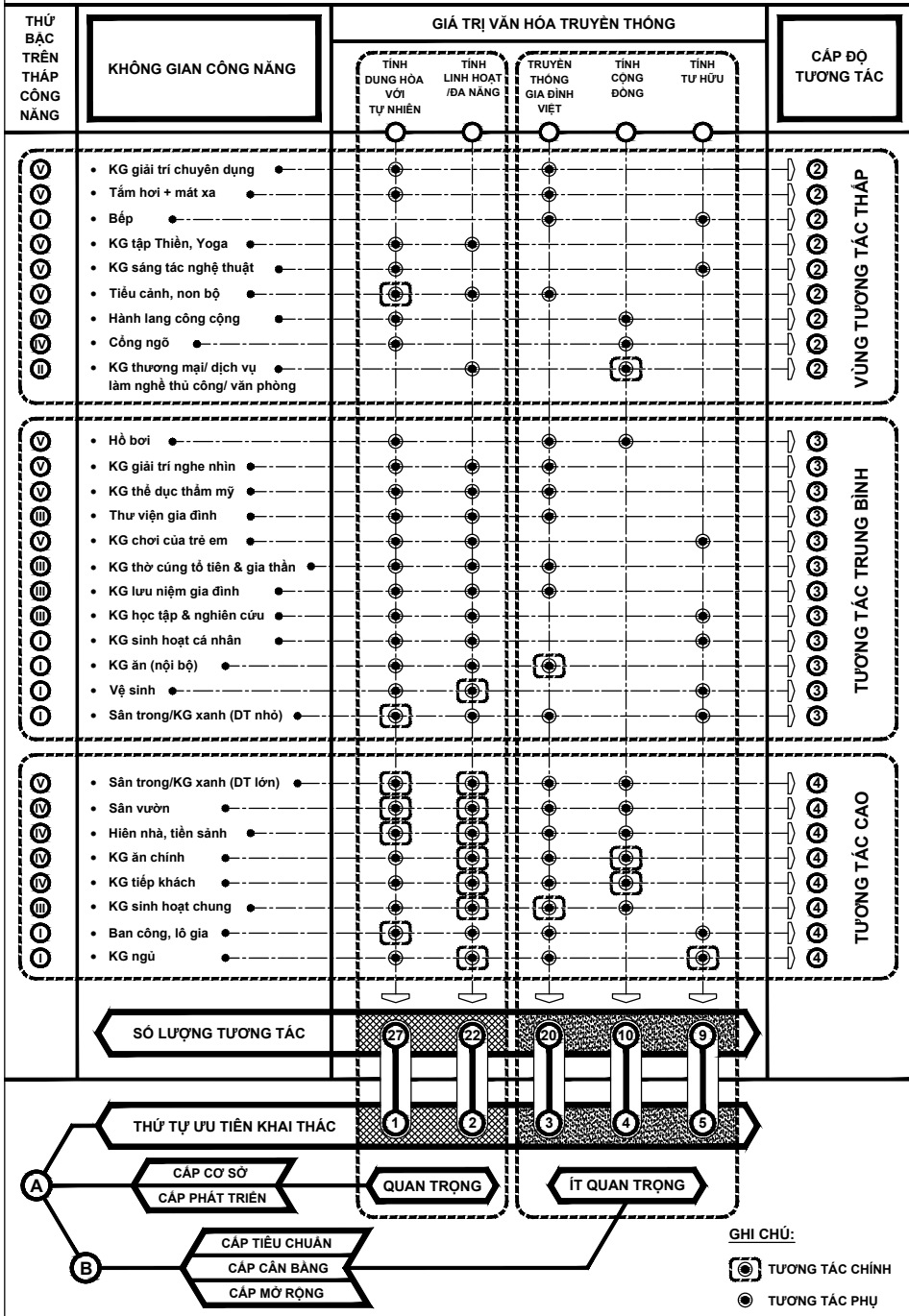
Tương tác Loại trừ

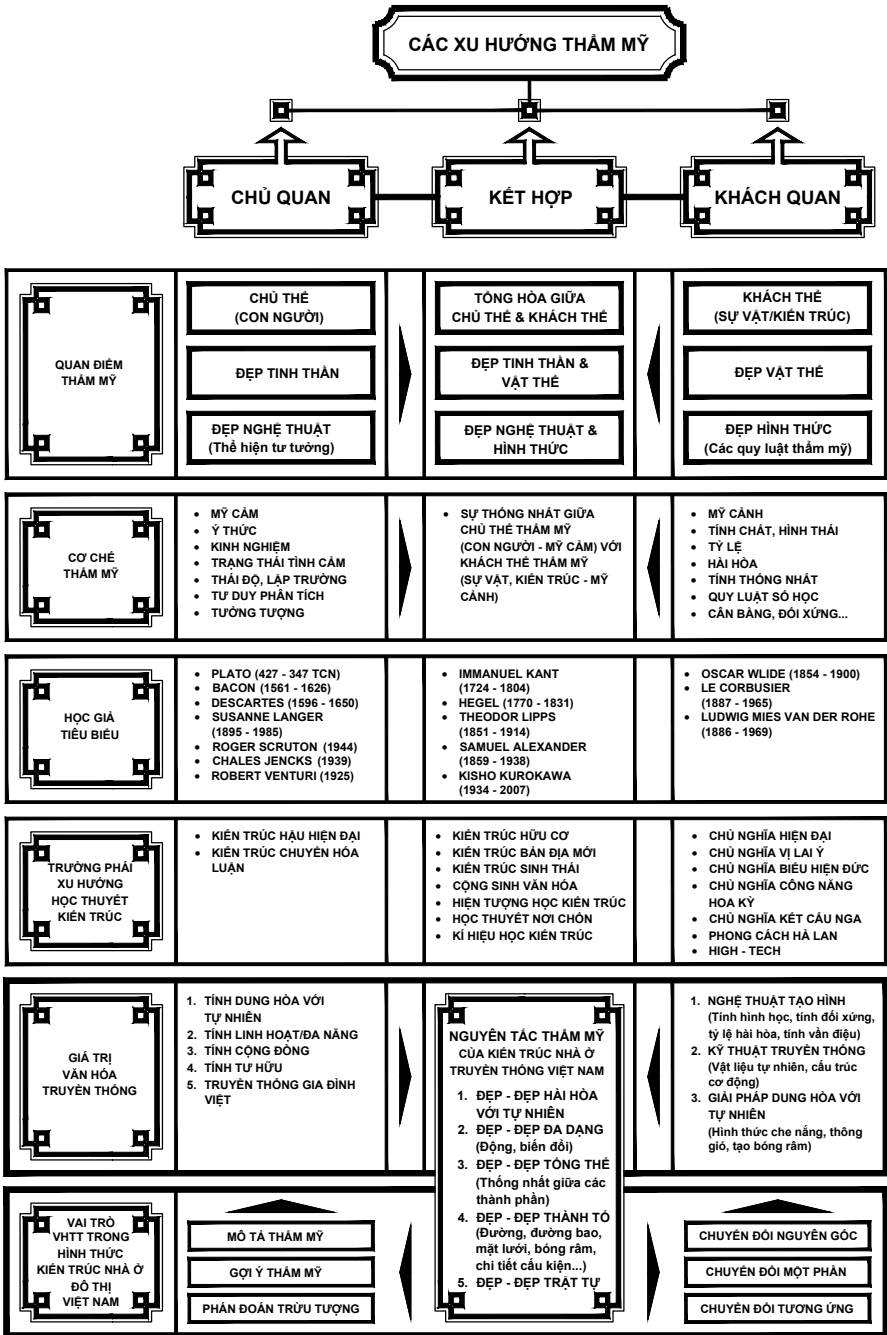
BẢNG KẾT QUẢ

STT	THANG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG		TƯƠNG SINH			TƯƠNG KHẮC	TỔNG SỐ TƯƠNG TÁC
			TƯƠNG TÁC CHỦ ĐỘNG		TƯƠNG TÁC THỤ ĐỘNG	TƯƠNG TÁC LOẠI TRỪ	
01	TƯƠNG TÁC CAO	TÍNH LINH HOẠT/ ĐA NĂNG	09	9	0		09
02		TÍNH DUNG HÒA VỚI TỰ NHIÊN	04	7	03		07
03		TÍNH TỰ HỮU	06	7	01	02	09
04	TƯƠNG TÁC TRUNG BÌNH	TRUYỀN THÔNG GIA ĐÌNH VIỆT	03	6	03		06
05		TÍNH BIỂU HÌNH	0	6	06		06
06		TÍNH CÔNG ĐỒNG	03	6	03	01	07
07	TƯƠNG TÁC THẤP	THUẬT PHONG THỦY	02	4	02		04
08		VĂN HÓA THỜ CÚNG	0	4	04		04
09		TÍNH HIẾU KHÁCH	0	4	04	01	05
10		TÍNH SINH LỢI	0	3	03		03

TƯƠNG TÁC GIỮA GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG
VỚI KHÔNG GIAN CÔNG NĂNG TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM

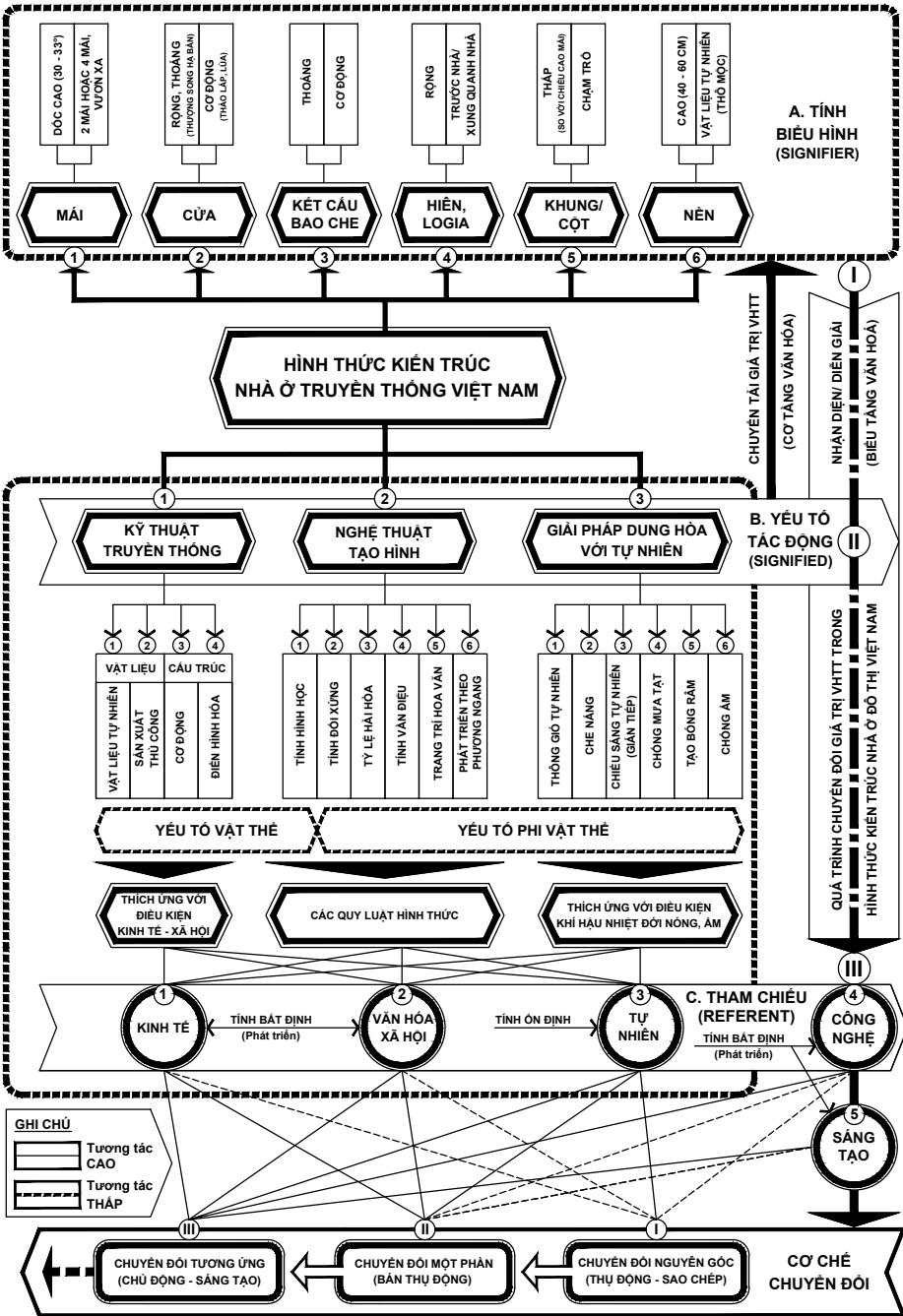
H2.9

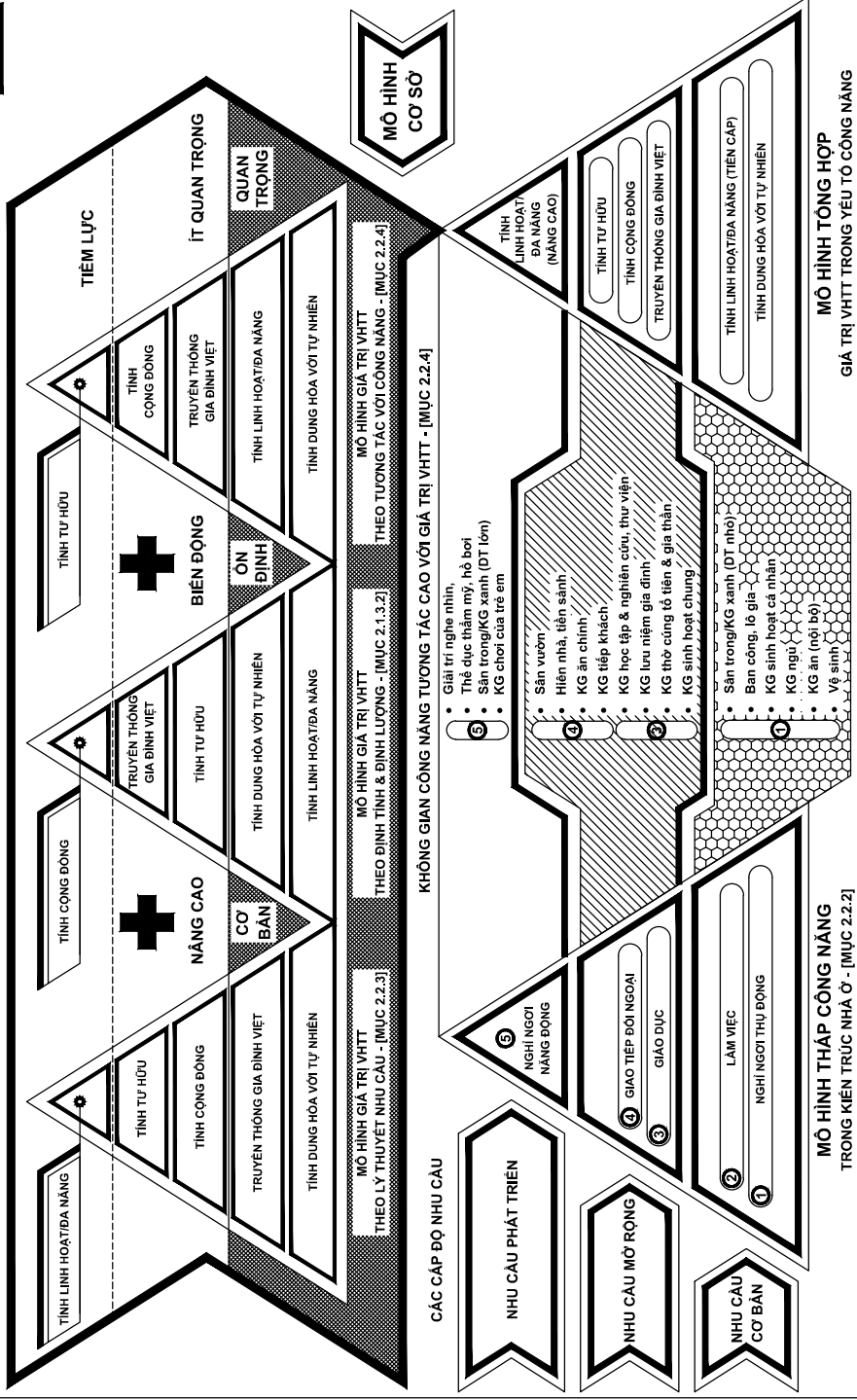




CƠ CHẾ CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG
TRONG HÌNH THỨC KIẾN TRÚC NHÀ Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM

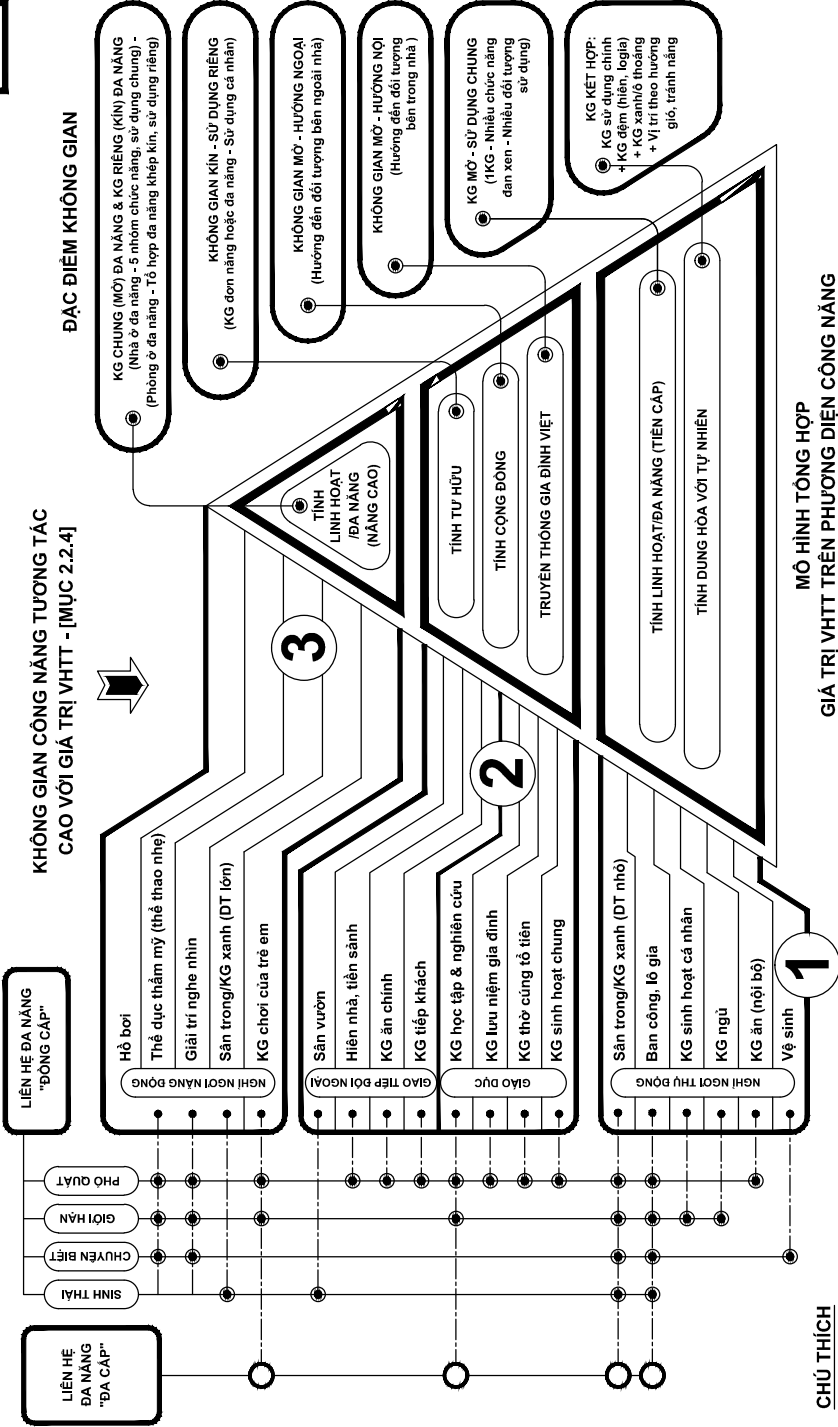
H2.16





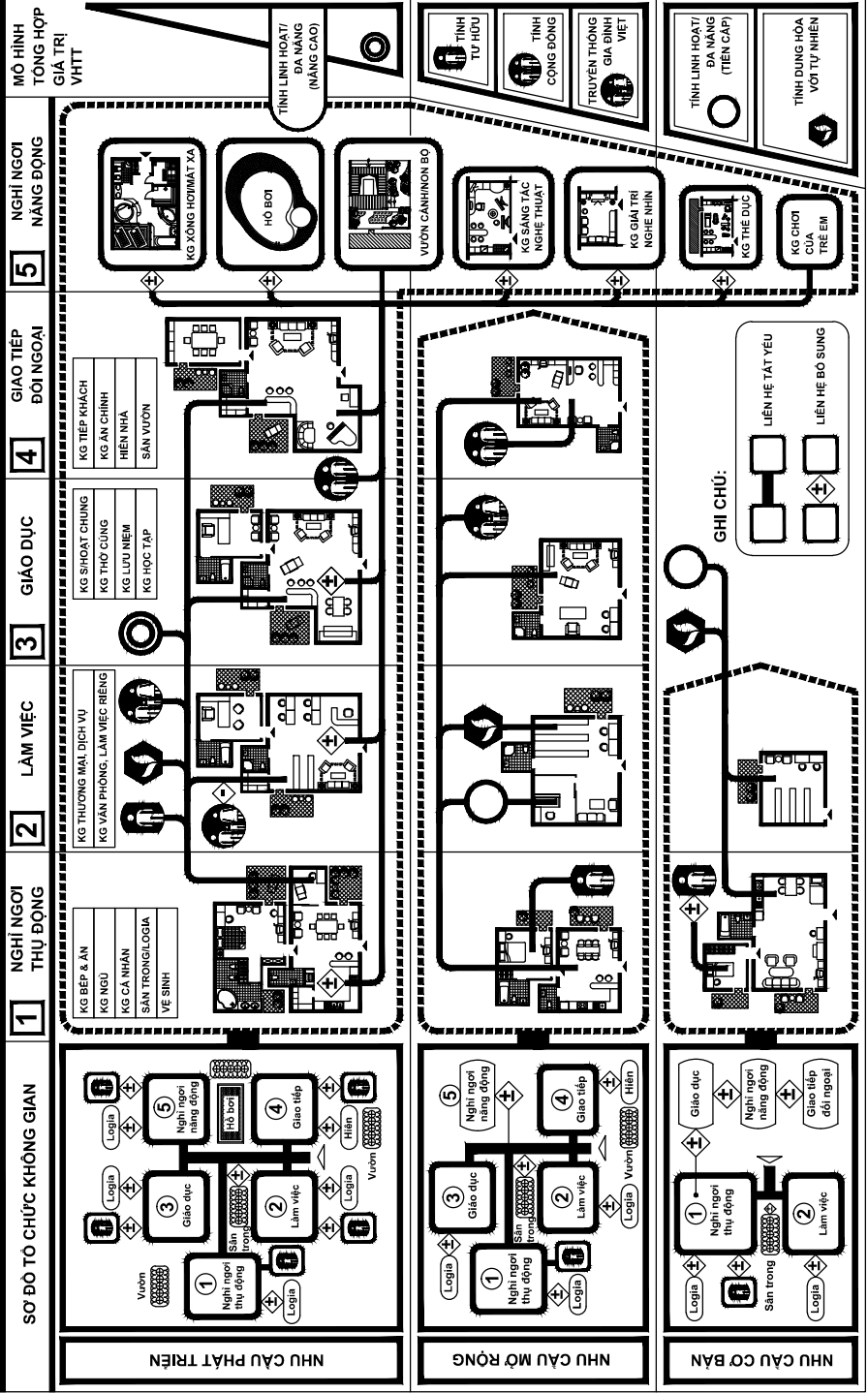
MÔ HÌNH ỨNG DỤNG GIÁ TRỊ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TRONG YẾU TỐ CÔNG NĂNG

H3.5



ĐẶC TRƯNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG YẾU TỐ CÔNG NĂNG

H3.12



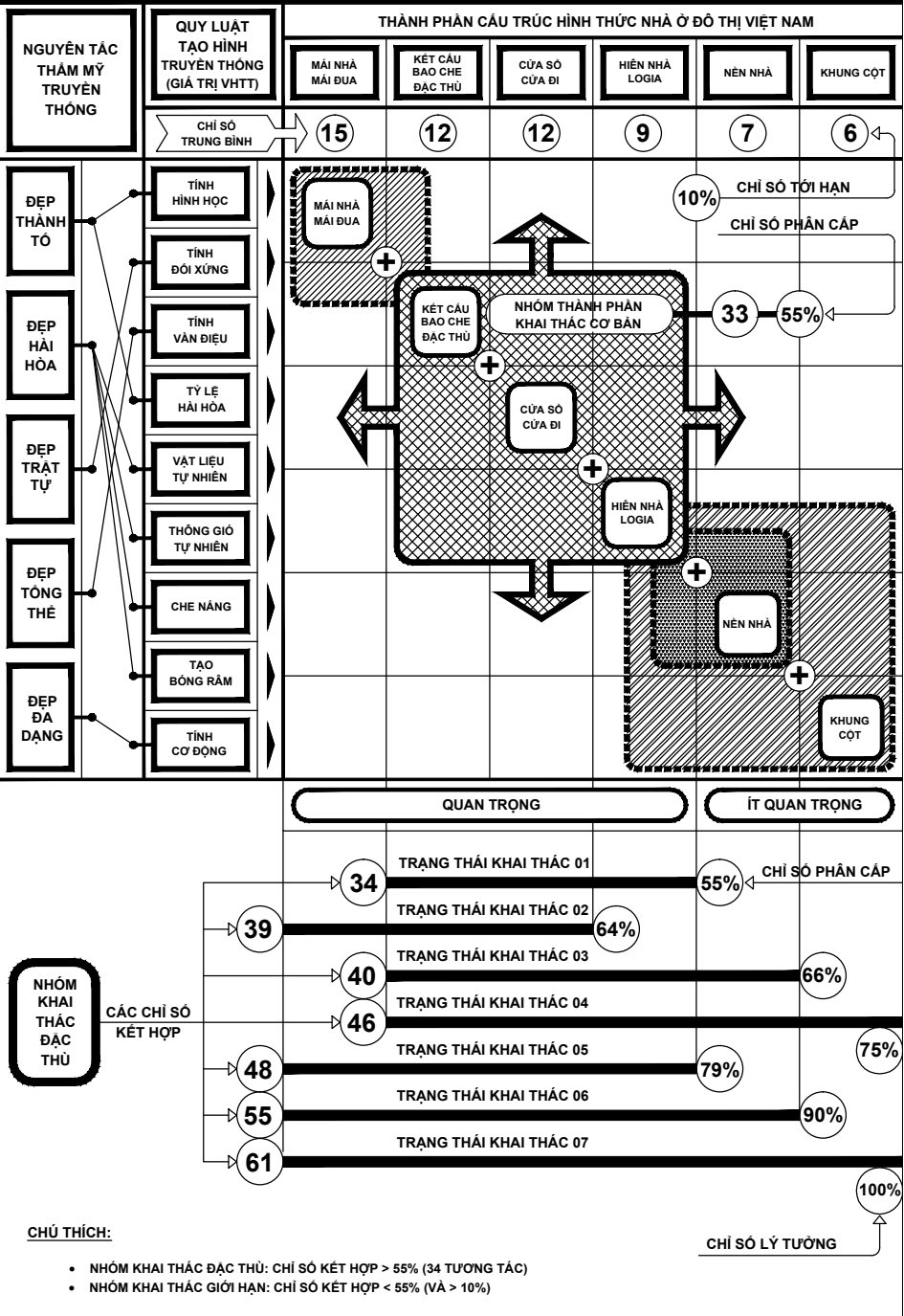
MÔ HÌNH KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TRONG HÌNH THỨC
KIẾN TRÚC NHÀ Ở TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN VIỆT NAM

H3.14

GIÁ TRỊ THẨM MỸ TRUYỀN THÔNG (TÍNH BIỂU HÌNH)		THÀNH PHẦN CẤU TRÚC HÌNH THỨC NHÀ Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM												CHỈ SỐ KHAI THÁC				
		MÁI NHÀ MÁI DUA		KẾT CẤU BAO CHE ĐẶC THÙ		CỬA SỔ CỬA ĐI		HIỆN NHÀ LOGIA		NỀN NHÀ		KHUNG CỘT						
TÍNH HÌNH HỌC	Đường thẳng, ngang													39	TIÊU BIỂU			
	Đường xiên																	
	Mặt phẳng																	
	Mặt nghiêng																	
	Mặt lưới																	
TÍNH ĐỐI XỨNG	Đối xứng tuyệt đối													36	PHỔ QUÁT			
	Đối xứng cân bằng																	
TÍNH VĂN ĐIỀU	Cấu trúc đồng dạng													33				
	Cấu trúc lặp lại																	
TỶ LỆ HÀI HÒA	Tỷ lệ con người													19				
	Phân vị mặt đứng																	
TẠO BÓNG RẰM	Sau cửa, kết cấu bao che													15				
	Bóng râm dưới mái đua																	
	Bóng râm dưới mái																	
VẬT LIỆU TỰ NHIÊN	Đá, Gạch đất nung													13				
	Gỗ																	
	Ngói																	
TÍNH CƠ ĐỘNG	Cấu trúc dịch chuyển (mở rộng KG, che nắng, thông gió)													9				
	Cấu trúc đặc rỗng đan xen																	
THÔNG GIÓ TỰ NHIÊN	Ô thông gió mái													9				
	Mái đua, ô văng																	
CHE NẮNG	Mái vươn xa khỏi tường													6				
CHỈ SỐ KHAI THÁC CỦA TỪNG LOẠI HÌNH NHÀ Ở		16	15	15	12	12	11	12	12	11	9	9	8	7	6			CHỈ SỐ ĐƠN
CHỈ SỐ TRUNG BÌNH		15	12	12	12	9	7	6						6				
PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ KẾT HỢP		15	27	27	24	21	21	19	16	15	13	6	CHỈ SỐ KẾT HỢP		CHỈ SỐ TỐI HẠN			
		27	24	21	19	18	22	40	18	34	22	61						
		48	21	55	46	21	100%							CHỈ SỐ LÝ TƯỞNG				
		90%	78%	35%	75%	37%	65%	30%	55%	35%	22%	10%						
		65%	38%	53%	32%	45%	30%	32%	23%	22%	45%	45%						
		25%	45%	40%	33%	33%	25%	22%	10%									
CẤP ĐỘ KHAI THÁC																		
GHI CHÚ																		

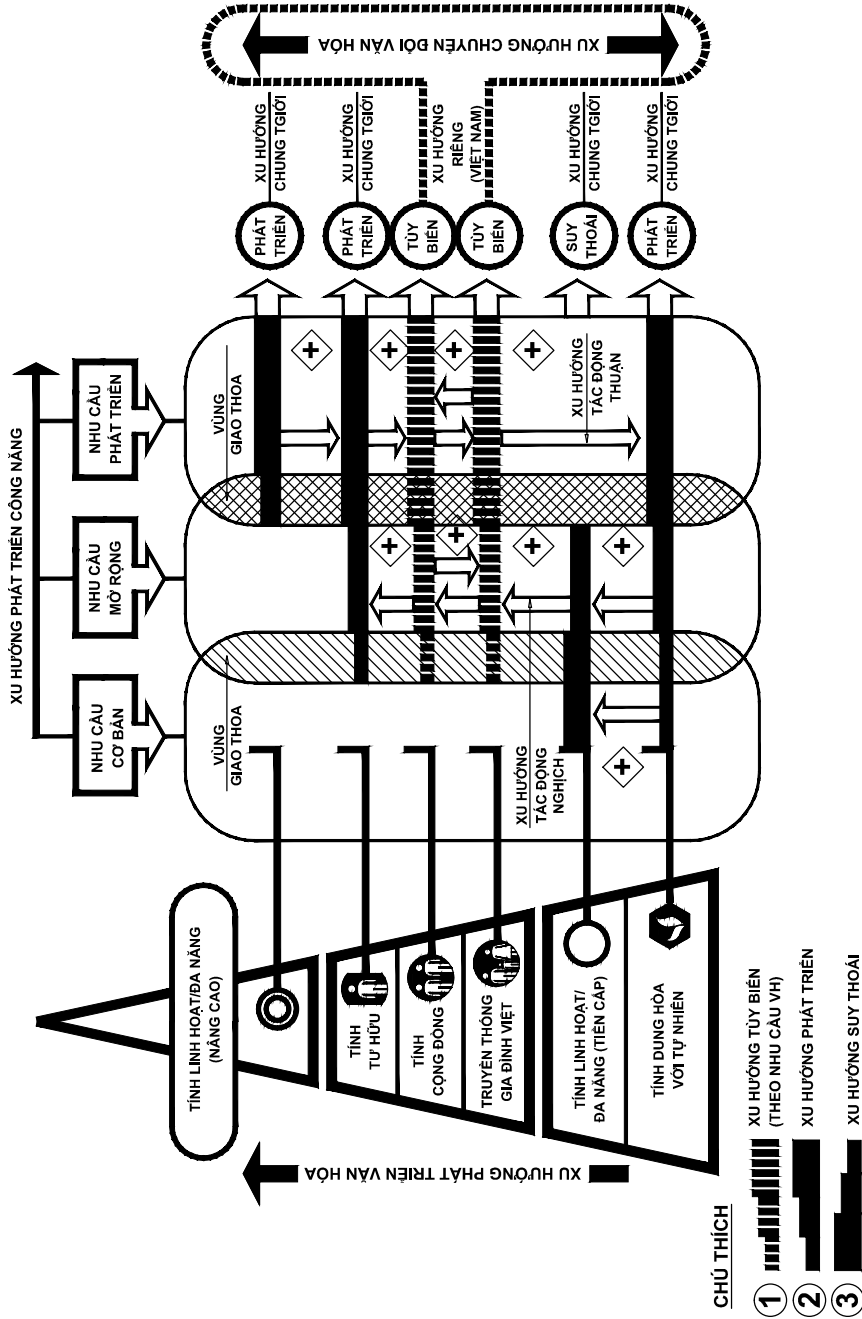
ĐẶC TRƯNG KHAI THÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TRONG HÌNH THỨC KIẾN TRÚC NHÀ Ở TẠI CÁC ĐÔ THỊ LỚN VIỆT NAM

H3.19



XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG YẾU TỐ CÔNG NĂNG

H3.20



XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG YẾU TỐ HÌNH THỨC

H3.2.1

